

Bản án số: **857/2023/HC-PT**

Ngày: 29/11/2023

Khởi kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Ông Phạm Đình Khánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lê - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 629/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 9 năm 2023 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính” do có kháng cáo của người đại diện của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2023/HC-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh V.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12890/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2023 giữa:

**** Người khởi kiện:*** Ông Trần Minh T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ dân phố T1, phường K, thành phố V1, tỉnh V. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 46 đường N, phường Đ, thành phố V1, tỉnh V. Có mặt.

**** Người bị kiện:*** Chủ tịch UBND thành phố V1, tỉnh V.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố V1: Ông Đào Văn Q; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V1, tỉnh V. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Bà Lê Học H1; Chức vụ: Trưởng phòng tư pháp thành phố V1; bà Tạ Thị Hương T2 - Phó trưởng Phòng Tư pháp thành phố V1 và bà Đoàn Thị T3 - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V1. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh V.

Đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh V: Ông Hoàng Xuân H2, Phó Giám đốc Sở TNMT tỉnh V. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V.

Đại diện theo ủy quyền của Sở TNMT: Ông Hoàng Văn Đ1 - Phó Giám đốc Sở TNMT. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở TNMT: Ông Nguyễn Thành H3 - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân phường K, thành phố V1, tỉnh V.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh B - Chủ tịch UBND phường. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Công ty TNHH K1; Địa chỉ: Số 53 đường N1, phường N2, thành phố V1, tỉnh V. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Minh H4; Địa chỉ: Tổ dân phố T1, phường K, thành phố V1, tỉnh V. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H4: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 46 đường N, phường Đ, thành phố V1, tỉnh V. Có mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày như sau:

Gia đình ông Trần Minh T sử dụng diện tích đất 1029,2m², tại địa chỉ: TDP T1, phường K, thành phố V1, tỉnh V. Nguồn gốc thửa đất trên là đất khai hoang. Từ trước đến nay, không có tranh chấp. Ngày 27/10/2022, ông Trần Minh T nhận được Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V1 đề ngày 25/10/2022 đối với ông T do vi phạm hành chính gây ra. Cụ thể: Chiếm đất phi nông nghiệp (chiếm đất giao thông do UBND phường K quản lý) tại khu vực đô thị với diện tích là 49,2m² để sử dụng. Trên phần diện tích đất chiếm hiện có cổng, tường bao quanh. Quy định tại điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm

hành chính trong lĩnh vực đất đai; Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa và đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất (chiếm đất trồng cây lâu năm) tại khu vực đô thị với diện tích 980m² để sử dụng. Trên phần diện tích đất lấn chiếm hiện có 01 nhà cấp 4 với diện tích 158,0m², cây trồng và tường bao quanh. Quy định tại: Điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện bao gồm: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 48.493.500 đồng.

Sau đó, ngày 24/11/2022 ông Trần Minh T nhận được Quyết định số 3617/QĐ-CCXP đề ngày 23/11/2022 của Phó Chủ tịch UBND thành phố V1 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi trên. Ngày 03/4/2023, Chủ tịch UBND thành phố V1 ban hành Quyết định số 749/QĐ-ĐC đình chỉ Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 và Quyết định số 3617/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V1 với lý do: “Do sai sót về kỹ thuật soạn thảo”. Ngày 22/6/2023 ông T nhận được Quyết định số 1432/QĐ-SĐBSHB ngày 21/6/2023 về việc hủy bỏ một phần Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V1, trong đó: Hủy bỏ điểm b khoản 5 Điều 1 Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V1. Cụ thể: Hủy bỏ biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 48.493.500 đồng.

Ông T cho rằng việc Phó Chủ tịch UBND thành phố V1 ban hành Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 3617/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 769/QĐ-ĐC ngày 03/4/2023 đình chỉ Quyết định 3310 và 3617 của Chủ tịch UBND thành phố V1 là không đúng pháp luật đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Về nguồn gốc đất hơn 1000m² do gia đình ông T đang sử dụng tại TDP T1, phường K đều do khai hoang từ những năm 1980 trở về trước. Các công trình xây dựng trên đất bao gồm: 01 căn nhà cấp 4, chuồng gà, lán để xe ô tô, một phần mái để làm nơi treo hoa của gia đình ông T sử dụng ổn định, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Ngoài các công trình của gia đình ông T xây dựng và hiện tại đang sử dụng, trước đó khoảng năm 2008 gia đình ông T có xây dựng 01 căn nhà và sử dụng, đến năm 2019 do nhà xuống cấp không sử dụng được nữa nên gia đình ông T đã phá căn nhà đó đi, hiện tại vẫn còn một phần bờ tường của nhà cũ.

Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 và Quyết định số 3617/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 đã vi phạm quy định về thẩm quyền ban hành

quyết định, cụ thể là vi phạm hình thức ban hành quyết định hành chính. Theo quy định pháp luật tại điểm b, khoản 1 và khoản 3 Điều 13 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính, trường hợp vi phạm quy định về thẩm quyền ban hành quyết định thì người đã ban hành quyết định phải ban hành quyết định hủy bỏ toàn bộ nội dung quyết định. Quyết định vi phạm về thẩm quyền ban hành không thuộc trường hợp được đính chính Quyết định.

Nay ông T khởi kiện với yêu cầu hủy các Quyết định sau:

- Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V1;

- Quyết định số 3617/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V1;

- Quyết định số 749/QĐ-ĐC ngày 03/4/2023 đính chính Quyết định 3310 và 3617 của Chủ tịch UBND thành phố V1.

Về việc buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 48.493.500 đồng theo Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 là không đúng nay Chủ tịch UBND thành phố V1 đã hủy theo Quyết định số 1432/QĐ-SĐBSHB ngày 21/6/2023 người khởi kiện đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V1 trình bày:

Ngày 31/01/1997, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 169/QĐ-UB v/v thu hồi 116,072 ha đất thuộc phường L và xã K, thị xã V1 để giao cho Công ty TNHH K1 trồng mía theo dự án được UBND tỉnh phê duyệt (trong đó có 90,06 ha đất thuộc xã K nay là phường K) có Bản đồ Quy hoạch giao đất trồng mía Công ty TNHH K1.

Ngày 04/3/1997, Sở Địa chính V, Phòng Địa chính V1, Phòng Tài chính V1, Tổ Nông nghiệp thị xã V1, UBND xã K đã tiến hành bàn giao mốc giới tại thực địa diện tích đất 90,06 ha tại Xã K cho công ty TNHH K1.

Ngày 08/3/1997, UBND thị xã V1, UBND xã K, Công ty TNHH K1 đã làm việc về nội dung đền bù cây bạch đàn chu kỳ II trên diện tích 90,06 ha đất thu hồi theo Quyết định 169/QĐUB ngày 31/01/1997 của UBND tỉnh V.

Ngày 13/3/1997 UBND thị xã V1 (nay là thành phố V1) đã ban hành Quyết định số 27/QĐ-UB về việc phê duyệt giá đền bù cây bạch đàn chu kỳ II trên diện tích 90,06 ha thu hồi tại địa điểm xã K.

Ngày 29/8/2018, UBND tỉnh V ban hành Quyết định 1992/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty TNHH K1 do hết hạn sử dụng đất và không được

gia hạn theo quy định của pháp luật đất đai, địa điểm tại các xã, phường: Đ, L và K, thành phố V1.

Năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V lập Mảnh trích đo địa chính số 47 - 2021 thu hồi đất Công ty TNHH K1 tại phường K, thành phố V1, tỉnh V (Đo đạc theo Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND tỉnh V), xác định thửa đất ông Trần Minh T đang sử dụng là thửa đất số 192, diện tích 980,0 m²; loại đất: Đất trồng cây lâu năm (CLN) và thửa 240, diện tích 49,2; loại đất: Đất giao thông (DGT).

Tại danh sách các trường hợp vi phạm đất đai thuộc công ty TNHH K1 quản lý (STT 18) biểu kèm theo Kết luận số 39/KL-TTr ngày 02/4/2019 của Thanh tra tỉnh V về công tác quản lý sử dụng đất đai; xử lý các trường hợp vi phạm về lấn, chiếm, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, xây dựng công trình trái pháp luật trên địa bàn phường K, thành phố V1 đã xác định ông Trần Minh T vi phạm pháp luật đất đai.

Về trình tự, thủ tục thiết lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với ông Trần Minh T: Ngày 18/10/2022, UBND phường có Biên bản làm việc về việc xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và thiết lập Biên bản vi phạm hành chính số 70/BB-VPHC ngày 21/10/2022; Ngày 19/10/2022, Chủ tịch UBND phường K có Tờ trình số 249/TTr-UBND về việc đề nghị ban hành Quyết định Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai.

Đối chiếu với quy định tại Điều 38, Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ, Chủ tịch UBND thành phố V1 đã ban hành Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Minh T. Ngày 26/10/2022, UBND phường K bàn giao Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả cho ông Trần Minh T.

Hết thời gian tự nguyện chấp hành theo Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 nhưng ông Trần Minh T không tự nguyện chấp hành, ngày 17/11/2022, Chủ tịch UBND phường K có Tờ trình số 317/TTr-UBND trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 23/11/2022, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 3617/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Minh T.

Việc ban hành Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 và Quyết định số 3617/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 đã được thực hiện đúng theo trình tự, đúng thẩm quyền và đúng mẫu quy định kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, do sơ xuất trong quá trình soạn thảo đã ghi nhầm phần thẩm quyền ban hành quyết định, cụ thể: Tại phần ghi về “THẨM QUYỀN BAN HÀNH” của Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 và Quyết định số 3617/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 theo quy định phải ghi là "CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ V1" nhưng quyết định lại ghi là "PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ V1". Sau khi phát hiện có sai sót trong quá trình tham mưu soạn thảo 02 quyết định nêu trên, căn cứ quy định tại Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/11/2021 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 749/QĐ-ĐC ngày 03/4/2023 về việc Đính chính Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 và Quyết định số 3617/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V1.

Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch UBND thành phố V1 nhận thấy căn cứ quy định tại khoản 10, Điều 7 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 Chính phủ quy định thì ông Trần Minh T không phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 48.493.500 đồng. Do vậy Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 1432/QĐ-SĐBSHB ngày 21/6/2023 về việc hủy bỏ một phần Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V1, trong đó: Hủy bỏ điểm b khoản 5 Điều 1 Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V1, cụ thể: Hủy bỏ biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 48.493.500 đồng. Các nội dung khác tại Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V1 được giữ nguyên.

Nay ông T khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh V xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T vì không có căn cứ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh V trình bày:

Về việc giao đất cho Công ty K1: Năm 1997 UBND tỉnh V có các Quyết định số 228/QĐ-UB ngày 24/2/1997 về việc phê duyệt dự án khả thi đầu tư mở rộng vùng mía 2 năm 1997-1998 và Quyết định số 868/QĐ-UB ngày 24/7/1997 về việc phê duyệt dự án trồng cây ăn quả tập trung giai đoạn 1997-1999 của

Công ty TNHH K1. Công ty K1 được UBND tỉnh V2 (cũ) và UBND tỉnh V giao 140,547 ha đất thuộc phường, xã: L, K và Đ, thành phố V1 để thực hiện dự án trồng mía, sau đó chuyển sang trồng cây ăn quả tại 02 quyết định:

+ Quyết định số 2140/QĐ-UB ngày 07/11/1995 của UBND tỉnh V2 (cũ), giao 244.750 m² (24,475 ha) đất đồi lâm nghiệp tại đồi Gậy, xã Đ, thị xã V1, thời hạn 20 năm (1995-2015); Biên bản giao mốc giới đất tại thực địa ngày ngày 23/11/1995.

+ Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997 của UBND tỉnh V, giao 116,072 ha đất rừng trồng thuộc phường L và đất lâm nghiệp tại xã K, thị xã V1 cho Công ty TNHH K1 trồng mía và sản xuất nông, lâm kết hợp, thời hạn 18 năm (1997-2015), trong đó tại phường L là 26,012 ha, xã K là 90,06 ha. Biên bản giao mốc giới tại thực địa phường K ngày 04/3/1997.

Như vậy, việc giao đất cho Công ty TNHH K1 phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 24 Luật Đất đai 1993.

Quá trình biến động đất đai và việc thu hồi đất của Công ty TNHH K1: Do các yêu cầu về phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, UBND tỉnh V đã có 07 quyết định thu hồi với diện tích 31,47 ha đất đã giao cho Công ty K1 để giao cho các tổ chức khác sử dụng. Trong đó tại phường K: Thu hồi và giao xây dựng bãi rác 9374 m² (0,9374 ha); thu hồi và giao đất cho Công ty Chuyển giao công nghệ và xử lý môi trường Môi trường đô thị: 5.850 m² (0,59 ha); thu hồi giao UBND TX V1 quản lý (UBND V1 giao hộ ông Trần Văn M) 10,5 ha; Diện tích còn lại theo hồ sơ thu hồi từ Công ty K1 78,0376 ha.

Trong quá trình sử dụng đất của Công ty K1, từ năm 2002 cho đến nay các cơ quan Nhà nước đã tiến hành nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của Công ty K1. Các vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai của Công ty K1 và hộ gia đình, cá nhân được Công ty giao quyền sử dụng đất diễn ra trong thời gian dài, các sai phạm đó của Công ty K1 đã được chỉ ra và kiến nghị xử lý qua mỗi lần các cơ quan nhà nước thực hiện thanh, kiểm tra.

Theo kết luận của Đoàn Thanh tra liên ngành (*được thành lập theo Quyết định số 3233/QĐ-CT ngày 27/11/2012 và số 3714/QĐ-CT ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh*) đã xác định quá trình sử dụng đất được giao, Công ty K1 không thực hiện triển khai dự án theo đúng quyết định của UBND tỉnh về giao đất và phê duyệt dự án; sử dụng đất kém hiệu quả, sai mục đích; cố ý hủy hoại đất; tự ý chuyển nhượng QSD đất, giao đất cho người khác sử dụng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép vi phạm pháp luật về đất đai được quy định tại Điều 78^b Luật Đất đai sửa đổi năm 1998 và năm 2001; khoản 3, 4 Điều 38 và khoản 2, Điều 109 Luật Đất đai 2003.

Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 1870/STNMT-CCQLĐĐ ngày 15/9/2016 kiến nghị UBND tỉnh đồng ý chủ trương thu hồi đất đối với khu đất Công ty K1 (được giao để thực hiện dự án trồng mía tại các

Quyết định số 2140/QĐ-UB ngày 07/11/1995 và Quyết định 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997) và được UBND tỉnh chấp thuận, chỉ đạo thực hiện tại Văn bản số 9384/UBND-NN2 ngày 26/12/2016. Trước khi ban hành quyết định thu hồi đất, UBND tỉnh đã ban hành Thông báo số 19/TB-UBND ngày 16/02/2017 thông báo thu hồi đất do hết hạn sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, địa điểm tại các xã, phường: Đ, L và K, thành phố V1, tỉnh V. Kể từ thời điểm UBND tỉnh ban hành thông báo thu hồi đất, Công ty K1 không có kiến nghị bằng văn bản về chủ trương thu hồi đất của UBND tỉnh. Tiếp đó, ngày 08/12/2017, Sở TNMT đã có Tờ trình số 624/TTr-STNMT trình UBND tỉnh thu hồi diện tích đất còn lại của Công ty TNHH K1 do hết hạn sử dụng đất và không được gia hạn. Ngày 29/8/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1992/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty K1. Tại Điều 1 Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND tỉnh có nêu: diện tích thu hồi thực tế sẽ được đo đạc lại để đảm bảo tính chính xác.

Thực hiện theo nhiệm vụ, Văn phòng Đăng ký đất đai đã hoàn thành việc đo đạc, có xác nhận đo vẽ phù hợp với hiện trạng của UBND xã Đ, UBND phường L, UBND phường K và xác nhận của Công ty K1 là ông Đường Ngọc S, theo đó diện tích thu hồi được xác định chính xác là 77,75 ha. Trong đó: Diện tích tại phường Đ là 12,44 ha; tại phường L là 14,25 ha; tại phường K là 51,06 ha. Kết quả đo đạc hiện trạng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tại Tờ trình số 500/TTr-UBND ngày 06/12/2021.

Như vậy, việc UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 về việc thu hồi đất của Công ty K1 do hết hạn sử dụng đất và không được gia hạn theo quy định của pháp luật đất đai, địa điểm tại các xã, phường: Đ, L và K, thành phố V1, tỉnh V là phù hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai 2013. UBND tỉnh V đề nghị TAND tỉnh giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi các bên theo quy định.

Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V trình bày:

Sau khi UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 thu hồi đất của Công ty TNHH K1 và không được gia hạn theo quy định của pháp luật đất đai, trong đó có đất thuộc phường K có giao cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V đo vẽ, Phòng Đo đạc bản đồ và Viễn thám - Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu đối với Mảnh trích đo địa chính số 47 -2021 thu hồi đất của Công ty TNHH K1 tại phường K, thành phố V1.

Khi thực hiện việc đo vẽ Mảnh trích đo địa chính số 47 -2021 Văn phòng Đăng ký đất đai đã căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và các tài liệu, văn bản về việc giao đất, thu hồi đất của UBND tỉnh đối với Công ty K1, các văn bản về việc thành lập Tổ Công tác giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong việc thu hồi đất đã giao cho Công ty K1 và Kế hoạch của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai công tác đo vẽ thành lập mảnh trích đo địa chính và xác định, cắm mốc ranh giới thu hồi đất Công ty TNHH K1 tại các xã,

phường. Quá trình đo đạc đã sử dụng các tài liệu đo đạc bản đồ qua các thời kỳ khu vực thi công gồm: Bản đồ địa giới hành chính 364 của các xã, phường: K - TP V1; xã H5 - huyện B1; xã K1 - huyện T4; Bản đồ địa chính phường K đo đạc năm 2001 gồm các tờ bản đồ địa chính 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 11; Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000; 1/5000; 1/10 000; Ảnh hàng không qua các thời kỳ 2000, 2011, 2016. Quy trình thực hiện đo đạc lập mảnh trích đo địa chính số 47-2021 được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 Quy định về thành lập bản đồ địa chính; Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt Phương án thi công nhiệm vụ: Đo vẽ thành lập mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 và xác định, cắm mốc ranh giới thu hồi đất Công ty TNHH K1 tại các xã, phường: Đ, L và K - TP V1 để giao cho UBND TP V1 quản lý theo quy định và đo đạc kiểm tra xử lý các vi phạm sử dụng đất tại khu vực N3, N4 trên địa bàn huyện T4, B1 và thành phố V1. Thành phần tham gia trực tiếp tại thực địa gồm: Văn phòng Đăng ký đất đai (đơn vị đo vẽ); UBND thành phố V1; UBND phường K; Công ty K1.

Sau khi đo vẽ xong mảnh trích đo địa chính, xác định được ranh giới khu vực thu hồi đất của Công ty K1 để giao cho UBND TP V1 quản lý. Đơn vị thi công dùng máy GPS-RTK và máy toàn đạc điện tử xác định chính xác các vị trí cần chôn mốc bê tông trên ranh giới thu hồi đất được thể hiện trên mảnh trích đo địa chính đã được kiểm tra nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy trình quy phạm. Kết quả đo đạc trích đo địa chính hiện trạng tại phường K: Diện tích giao theo Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997 của UBND tỉnh V tại phường K là: 90,06 ha; diện tích đo đạc hiện trạng 65,96/90,06 ha, giảm 24,1 ha so với hồ sơ giao; so với hồ sơ thu hồi đất tại phường K diện tích là 51,06 ha/65,96 ha (14,90 ha diện tích đã được thu hồi giao đất cho tổ chức, cá nhân). Nguyên nhân diện tích giảm: Do sơ đồ quy hoạch giao đất được thu phóng trên nền địa hình tỷ lệ nhỏ và được can vẽ thủ công, không có tọa độ khống chế, dẫn đến kẻ vẽ, tính toán diện tích giao đất sai so với thực tế. Hiện trạng khu đất phía Đông giáp đường tỉnh lộ 302C (một phần diện tích đã được thu hồi thực hiện dự án cải tạo nâng cấp đường vào bãi rác N5); phía Tây giáp đất ruộng canh tác; phía Nam giáp hồ Đ2, ruộng canh tác, khu dân cư Đ3; phía Bắc giáp đất rừng phòng hộ. Như vậy Sơ đồ quy hoạch giao đất theo Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997 của UBND tỉnh là không chính xác.

Mảnh trích đo 47 - 2021 đã được UBND phường K, UBND thành phố V1, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát đối chiếu kiểm tra kỹ thuật, thống nhất ranh giới thu hồi đất của Công ty TNHH K1. Bản đồ đã được công khai theo quy định tại nhà văn hóa khu dân cư và tại UBND phường, đang tiến hành chỉnh sửa theo ý kiến góp ý trong quá trình công khai.

Từ những căn cứ pháp luật nêu trên, Sở TNMT xác định quy trình thực hiện đo đạc lập mảnh trích đo địa chính số 47-2021 đã đảm bảo đúng theo quy

định pháp luật về đo đạc và bản đồ, đúng phương án thi công đã được phê duyệt, được UBND thành phố V1, UBND phường, Công ty TNHH K1 thống nhất nghiệm thu, ký xác nhận, sản phẩm được các bên bàn giao và nhận theo quy định.

- Đại diện UBND phường K trình bày:

Về trình tự, thủ tục thiết lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với ông Trần Minh T được thực hiện như sau: Ngày 18/10/2022, UBND phường có Biên bản làm việc về việc xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và thiết lập Biên bản vi phạm hành chính số 70/BB-VPHC ngày 21/10/2022 đối với ông Trần Minh T. Nội dung: Xác minh tại vị trí công trình trên đất thửa số 192+ 240 diện tích 920 m² +49,2 m² thuộc Mảnh trích đo địa chính số 47 - 2021 thu hồi đất Công ty TNHH K1 tại phường K hiện có 02 người sinh sống là ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Minh H4. Công trình trên đất là 01 nhà cấp 4 mái lợp ngói, diện tích 158 m², cây trồng và tường bao loan.

Cùng ngày UBND phường lập biên bản vi phạm hành chính ghi nhận: Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997 về việc thu hồi 116,072 ha đất thuộc phường L và xã K, thị xã V1 để giao cho Công ty TNHH K1; Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 thu hồi đất của Công ty TNHH K1; Mảnh trích đo địa chính số 47 - 2021 thu hồi đất Công ty TNHH K1 tại phường K, thành phố V1, tỉnh V (Đo đạc theo Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND tỉnh V); Kết luận số 39/KL-TTr ngày 02/4/2019 của Thanh tra tỉnh V về công tác quản lý sử dụng đất đai; xử lý các trường hợp vi phạm về lấn, chiếm, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, xây dựng công trình trái pháp luật trên địa bàn phường K, thành phố V1 đã xác định ông Trần Minh T vi phạm pháp luật đất đai.

Cụ thể: + Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất (chiếm đất trồng cây lâu năm do UBND tỉnh đã thu hồi của Công ty TNHH K1) tại khu vực đô thị với diện tích 980 m² (0,098 ha). Địa điểm vi phạm thuộc Tổ dân phố T1, phường K. Tại thửa đất số 192 Mảnh trích đo địa chính số 47 - 2021.

Thời điểm vi phạm: Năm 2011; thời điểm phát hiện: ngày 02/4/2019. (Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 và khoản 5 Điều 14 của NĐ số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai).

+ Chiếm đất phi nông nghiệp (chiếm đất giao thông do UBND phường K quản lý) tại khu vực đô thị diện tích 49,2m²; trên đất hiện có công, tường bao quanh. Địa điểm vi phạm thuộc Tổ dân phố T1, phường K, V1 tại thửa 240 Mảnh trích đo địa chính số 47 - 2021 thu hồi đất Công ty TNHH K1 tại phường K, thành phố V1, tỉnh V.

Thời điểm vi phạm: Năm 2011; thời điểm phát hiện: ngày 02/4/2019. (Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 và khoản 5 Điều 14 của Nghị định số

91/2019/NĐ- CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai).

Khi lập biên bản ông T có mặt nhưng không ký vào biên bản và không nhận biên bản làm việc.

Ngày 19/10/2022, Chủ tịch UBND phường K có Tờ trình số 249/TTr-UBND về việc đề nghị Chủ tịch UBND TP V1 ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trần Minh T. Cụ thể các biện pháp khắc phục hậu quả là: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm (phá dỡ công trình vi phạm) và buộc trả lại đất đã chiếm. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm số tiền là 48.493.500đ.

Ngày 25/10/2022 Chủ tịch UBND thành phố V1 đã ban hành Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Minh T. Ngày 26/10/2022, UBND phường K bàn giao Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả cho ông Trần Minh T.

Hết thời gian tự nguyện chấp hành theo Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 nhưng ông Trần Minh T không tự nguyện chấp hành, ngày 17/11/2022, Chủ tịch UBND phường K có Tờ trình số 317/TTr-UBND trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 23/11/2022, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 3617/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Minh T.

Quan điểm của UBND phường K: Việc Chủ tịch UBND thành phố V1 ban hành Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 3617/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Minh T là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh V xử bác đơn khởi kiện của ông T, giữ nguyên Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 và Quyết định số 3617/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V1.

- Đại diện Công ty TNHH K1 trình bày:

Công ty K1 được Nhà nước giao đất để thực hiện Dự án trồng mía, trồng cây ăn quả tại 03 xã, phường: K, L, Đ thuộc thành phố V1, tỉnh V. Hiện nay khu đất trên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh V ra quyết định thu hồi tại Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 do hết thời hạn sử dụng. Công ty đã phối hợp với cơ quan có thẩm quyền đo đạc để lập bản đồ địa chính thu hồi đất, còn việc

kiểm đếm hoa màu đến nay vẫn chưa thực hiện. Về chủ trương thu hồi đất khi hết thời hạn sử dụng và không được gia hạn theo quy định của luật đất đai Công ty hoàn toàn nhất trí theo chủ trương của Nhà nước và pháp luật. Công ty không biết việc gia đình ông Trần Minh T xây dựng và bị Ủy ban nhân dân thành phố V1 ra các Quyết định xử lý vi phạm, buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Các hộ dân tự ý lấn chiếm xây dựng trái phép thuộc thẩm quyền của chính quyền các cấp, Công ty không có ý kiến gì.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố V1 và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Trần Minh T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2023/HC-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh V đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T về việc đề nghị hủy Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V1 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 3617/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V1 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 749/QĐ-ĐC ngày 03/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V1 về việc đình chính Quyết định 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 và Quyết định số 3617/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/8/2023, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có ý kiến thể hiện: Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để xem xét kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc

thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Ngày 01/02/2023 ông Trần Minh T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 3617/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Ngày 24/4/2023 ông Trần Minh T khởi kiện bổ sung đòi yêu cầu Quyết định số 749/QĐ-ĐC ngày 03/4/2023 đình chính Quyết định 3310 và 3617. Đây là các quyết định hành chính và là đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh V thụ lý giải quyết là trong thời hiệu theo quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Bản án sơ thẩm đã xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh V, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V, UBND phường K đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi liên quan là Công ty TNHH K1 vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, theo đó:

[2.1]. *Về hình thức:* Quyết định số 3310, 3617, 769 được Chủ tịch UBND thành phố V1 ban hành đúng quy định của pháp luật về hình thức văn bản theo Mẫu số 10, số 15, số 39 được ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2011 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Căn cứ các Quyết định giao quyền số 3173/QĐ-GQXP ngày 20/10/2021 về giao quyền xử phạt hành chính; Quyết định số 980/QĐ-GQCC ngày 19/4/2022 về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND thành phố V1; Căn cứ Điều 38, Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm

hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm của ông T thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố V1. Do vậy Phó Chủ tịch UBND thành phố V1 đã ký thay Chủ tịch ban hành các quyết định trên là đúng thẩm quyền.

Tuy nhiên trong quá trình soạn thảo các quyết định hành chính có sai sót tại phần ghi về “THẨM QUYỀN BAN HÀNH” của Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 và Quyết định số 3617/QĐ-CCXP ngày 23/11/2022 theo quy định phải ghi là “CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ V1” nhưng quyết định lại ghi là “PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ V1”. Xác định lỗi trên là do kỹ thuật soạn thảo văn bản.

Theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/11/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “1. Người đã ban hành quyết định tự mình hoặc theo yêu cầu của những người quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm đính chính quyết định khi có sai sót về kỹ thuật soạn thảo” Do đó Chủ tịch UBND TP V1 đã ban hành quyết định Quyết định số 749/QĐ-ĐC đính chính Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 và Quyết định số 3617/QĐ-CCXP là đúng quy định.

[2.2]. Về nguồn gốc diện tích đất gia đình ông T đang sử dụng bị áp dụng buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, HĐXX thấy:

Năm 1997 Công ty K1 thực hiện Dự án trồng cây ăn quả tập trung giai đoạn 1997-1999. Vì vậy UBND tỉnh V có các Quyết định số 228/QĐ-UB ngày 24/2/1997 về việc phê duyệt dự án khả thi đầu tư mở rộng vùng mía 2 năm 1997-1998 và Quyết định số 868/QĐ-UB ngày 24/7/1997 về việc phê duyệt dự án trồng cây ăn quả tập trung giai đoạn 1997-1999 của Công ty TNHH K1. Sau đó UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 31/01/1997 V/v thu hồi 116,072 ha đất thuộc phường L và xã K, thị xã V1 để giao cho Công ty K1 trồng mía và sản xuất nông, lâm kết hợp theo dự án được UBND tỉnh phê duyệt thời hạn 18 năm (1997-2015) (trong đó có 90,06 ha đất thuộc xã K nay là phường K).

Ngày 04/3/1997 UBND xã K và đại diện Sở Địa chính V, Phòng Địa chính V1, Phòng Tài chính V1, Tổ Nông nghiệp thị xã V1 đã tiến hành bàn giao mốc giới tại thực địa 90,06 ha tại xã K (nay là phường K) cho Công ty K1 kèm theo Bản đồ quy hoạch giao đất trồng mía công ty K1.

Tại thời điểm giao đất cho Công ty K1 trên đất chỉ có cây bạch đàn do trước đây HTX nông nghiệp K quản lý, sử dụng nên UBND thị xã V1, UBND xã K, Công ty TNHH K1 đã có Biên bản làm việc về việc đền bù cây bạch đàn chu kỳ II trên diện tích 90,6 ha đất thu hồi và xác định Công ty TNHH K1 phải đền bù cho HTX Nông nghiệp K số tiền 39.420.000 đồng. Ngoài ra không có tài liệu nào thể hiện cá nhân, tổ chức nào khác được bồi thường tài sản trên đất.

Do các yêu cầu về phát triển kinh tế, xã hội của địa phương nên quá trình Công ty K1 sử dụng 116,072 ha đất UBND tỉnh V đã có 07 quyết định thu hồi với diện tích 31,47 ha đất đã giao cho Công ty K1 để giao cho các tổ chức khác sử dụng. Từ năm 2002 các cơ quan Nhà nước đã tiến hành nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của Công ty K1 và phát hiện nhiều vi phạm. Vì vậy UBND tỉnh đã ban hành Thông báo số 19/TB-UBND ngày 16/02/2017 thông báo thu hồi đất do hết hạn sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, địa điểm tại các xã, phường: Đ, L và K, thành phố V1, tỉnh V. Kể từ thời điểm UBND tỉnh ban hành thông báo thu hồi đất, Công ty TNHH K1 không có kiến nghị bằng văn bản về chủ trương thu hồi đất của UBND tỉnh. Đến ngày 29/8/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1992/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty TNHH K1 và không được gia hạn theo quy định của pháp luật đất đai trong đó có đất thuộc phường K, diện tích thu hồi thực tế sẽ được đo đạc lại để đảm bảo tính chính xác.

Sau khi UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 1992/QĐ-UBND, tỉnh V tiếp tục có nhiều cuộc thanh tra về công tác quản lý Nhà nước về đất đai; xử lý các trường hợp vi phạm lấn, chiếm, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, xây dựng công trình trái phép trên địa bàn các phường L, Đ, K, thành phố V1. Tại Kết luận thanh tra số 39/KL-TTr ngày 02 tháng 04 năm 2019 đã xác định 28 trường hợp vi phạm đất đai thuộc Công ty K1 quản lý trong đó có hộ gia đình ông Trần Minh T, bà Nguyễn Thị Minh H4.

Năm 2021 UBND tỉnh giao cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V đo vẽ, Phòng Đo đạc bản đồ và Viễn thám Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V nghiệm thu đối với Mảnh trích đo địa chính số 47 -2021 thu hồi đất của Công ty K1 tại phường K, thành phố V1. Khi thiết lập Mảnh trích đo địa chính số 47-2021 Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh V đã căn cứ vào Bản đồ địa giới hành chính 364; Bản đồ địa chính phường K đo đạc năm 2001 gồm các tờ bản đồ địa chính 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 11; Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000; 1/5000; 1/10 000; Ảnh hàng không qua các thời kỳ 2000, 2011, 2016. Trong đó bản đồ địa chính năm 2001, ảnh hàng không thời kỳ năm 2000 thể hiện chỉ có cây cối không có ảnh các hộ dân sinh sống trên đất. Quá trình việc đo vẽ ngoài việc căn cứ vào những tài liệu trên, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V đã phối hợp với UBND thành phố V1, UBND phường K, đại diện Công ty K1 để thực hiện việc dẫn đạc xác định ranh giới, mốc giới, đánh dấu bôi sơn, đóng cọc chi tiết các thửa đất theo hiện trạng sử dụng; các chủ sử dụng đất tiếp giáp trong quá trình đo đạc đảm bảo thống nhất về ranh giới sử dụng đất với ranh giới sử dụng đất

của Công ty K1; Lập và ký Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa, đồng thời tiến hành đo vẽ chi tiết cho từng thửa đất; Đối với khu vực dân cư, khu vực xây dựng công trình phải được xác định và đo đạc đầy đủ, chi tiết các công trình chính và các khu vực sử dụng với nhiều mục đích. Kết quả đo đạc diện tích thu hồi đất của Công ty K1 được xác định chính xác là 77,75 ha. Trong đó: Diện tích tại phường K là 51,06 ha.

Nguyên nhân diện tích thu hồi giảm do sơ đồ quy hoạch giao đất năm 1997 đối với Công ty K1 được thu phóng trên nền địa hình tỷ lệ nhỏ và được can vẽ thủ công, không có tọa độ không chế, dẫn đến kẻ vẽ, tính toán diện tích giao đất sai so với thực tế. Như vậy việc đo vẽ Mảnh trích đo địa chính số 47 -2021 nghiệm thu ngày 29/6/2021 thu hồi đất của Công ty TNHH K1 tại phường K, thành phố V1 là hoàn toàn hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Người khởi kiện trình bày về nguồn gốc đất là của ông Phùng Văn C ở TDP T1, phường K khai hoang để sử dụng, đến năm 2003 ông C cho ông T sử dụng để trồng cây. Năm 2006 ông T xây tường rào và nhà cấp 4, cuối năm 2017, gia đình ông T sửa chữa, cải tạo lại nhà. Việc cho đất giữa ông C và ông T trao đổi trực tiếp không lập thành văn bản, ông T sử dụng các thửa đất trên từ năm 2003 tức là sử dụng đất sau thời điểm UBND tỉnh giao cho Công ty K1, gia đình ông cũng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, công nhận quyền sử dụng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 1029,2 m² địa chỉ: TDP T1, phường K, thành phố V1, tỉnh V ông T đang sử dụng thuộc diện tích đất thu hồi của Công ty K1 là có căn cứ.

[2.3]. Về trình tự thủ tục: Ngày 18/10/2022, UBND phường K có Biên bản làm việc về việc xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất. Cùng ngày 18/10/2022 UBND phường K đã thiết lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai và ghi nhận hành vi vi phạm của gia đình ông T là:

- Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất (chiếm đất trồng cây lâu năm do UBND tỉnh đã thu hồi của Công ty K1) tại khu vực đô thị với diện tích 980 m² (0,098 ha). Địa điểm vi phạm thuộc Tổ dân phố T1, phường K, tại thửa đất số 192 - Mảnh trích đo địa chính số 47 - 202.

- Chiếm đất phi nông nghiệp (chiếm đất giao thông do UBND phường K quản lý) tại khu vực đô thị diện tích 49,2m²; trên đất hiện có cổng, tường bao quanh. Địa điểm vi phạm thuộc Tổ dân phố T1, phường K, V1 tại thửa 240 - Mảnh trích đo địa chính số 47 - 2021 thu hồi đất Công ty TNHH K1 tại phường K, thành phố V1, tỉnh V.

Ngày 19/10/2022, Chủ tịch UBND phường K có Tờ trình số 249/TTr-UBND về việc đề nghị ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 25/10/2022, Chủ tịch UBND thành phố V1 đã ban hành Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Minh T.

Xét thấy hành vi vi phạm của ông T thuộc trường hợp không ra Quyết định xử phạt hành chính quy định tại điểm c khoản 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020) do hết thời hiệu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020) nên Chủ tịch UBND thành phố ra Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng. Về thời hạn ra Quyết định xử phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 66 Chủ tịch UBND thành phố V1 ban hành Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 trong thời hạn luật định (07 ngày) kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

[2.4]. Về căn cứ áp dụng hình thức xử phạt: Ông T sử dụng diện tích là 49,2 m² trên đất hiện có công, tường bao quanh thuộc đất đường giao thông được xác định là đất phi nông nghiệp (chiếm đất giao thông do UBND phường K quản lý). Ngoài ra ông T còn sử dụng diện tích 980m² trên đất hiện có 01 nhà cấp 4 với diện tích 158,0 m², cây trồng và tường bao quanh được xác định là đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa và đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất (chiếm đất trồng cây lâu năm) tại khu vực đô thị. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét tại chỗ ngày 26/6/2023 đối với toàn bộ diện tích đất ông T sử dụng. Kết quả xác định ông T chiếm đất đều thuộc Mảnh trích đo 47-2021 diện tích thu hồi của Công ty K1. Trong đó chiếm đất giao thông do UBND phường K quản lý 49,2m²; chiếm đất trồng cây lâu năm diện tích 980m². Do đó Chủ tịch UBND TP V1 đã áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm đối với ông T là có cơ sở.

Đối với việc buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 48.493.500 đồng theo Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022. Nay Chủ tịch UBND thành phố V1 đã hủy phần xử phạt trên theo Quyết định số 1432/QĐ-SĐBSHB ngày 21/6/2023. Xét thấy việc Chủ tịch UBND thành phố V1 đã căn cứ khoản 10, Điều 7 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai để hủy phần xử phạt trên là có căn cứ, Quyết định số 1432/QĐ-SĐBSHB là hợp pháp.

Đối với Quyết định số 3617/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Minh T. Xét thấy do hết thời gian tự nguyện chấp hành theo Quyết định số 3310/QĐ-KPHQ ngày 25/10/2022 nhưng ông Trần Minh T không tự nguyện chấp hành, ngày 17/11/2022, Chủ tịch UBND phường K có Tờ trình số 317/TTr-UBND trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 23/11/2022, Chủ tịch UBND thành phố V1 căn cứ Điều 28, Điều 70, Điều 85, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020) và Điều 33, Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định

về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính ban hành Quyết định cưỡng chế là đúng pháp luật.

Như vậy UBND phường K đã lập biên bản vi phạm hành chính và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố V1 ban hành quyết định buộc ông T phải thực hiện áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do có hành vi vi phạm hành chính “chiếm đất” với biện pháp: Khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm là đúng hành vi vi phạm theo quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T và buộc ông T phải chịu 1.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới. Từ đó Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra ông Trần Minh T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Xét ông T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí phúc thẩm. Căn cứ quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Trần Minh T. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2023/HCST ngày 04 tháng 08 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh V.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Minh T.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh V;
- VKSND tỉnh V;
- Cục THADS tỉnh V;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà

